

Bản án số: **97/2024/DS-ST**

Ngày: 07-9-2024

Về việc: "*Tranh chấp về
hợp đồng tín dụng*"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ánh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Nhớ

Ông Trần Trung Nam

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Công Hồng Lĩnh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 166/2023/TLST-DS, ngày 03 tháng 6 năm 2024 về việc: "*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166/2024/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 166/2024 ngày 22 tháng 8 năm 2024; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q(V1

Địa chỉ trụ sở: Tầng A (tầng trệt) và tầng 2 nhà SalilingTower - A, phường B, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ liên hệ: Tầng F, Tòa nhà P, số B, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V; chức danh: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thu H vụ: Giám đốc TTQLN NHBL 1 - V1. (*Theo giấy ủy quyền số: 006325.23 ngày 27/01/2023 của TGD Ngân hàng TMCP Q*

Bà Trần Thị Thu H uỷ quyền lại cho ông Nguyễn Anh D, ông Từ Thế A H1 và ông Trần Tiến L (*Theo giấy uỷ quyền số 224974 ngày 28/12/2024*). Ông L1 mất.

2. Bị đơn: Ông Trần Phi T, sinh năm: 1982; Địa chỉ: Tổ C, quận T, thành phố Đà Nẵng (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/12/2023 và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Trần Tiến L2 bày:

Ngân hàng TMCP Q2 ký với ông Trần P T1 ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 10/07/2018 VIB đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông Trần P T2 tiết như sau: Số thẻ là: 526887xxxxxx2283 Loại thẻ: V1 Ngày cấp: 27/6/2022; Hạn mức thẻ: 30.000.000 Lãi suất, phí theo quy định của V1 từng thời kỳ.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Trần P T3 vi phạm nội dung thỏa thuận tại Đề nghị phát hành thẻ tín dụng đã ký, khoản vay đã quá hạn thanh toán từ ngày 25/11/2021 và đang xếp loại nợ nhóm 5, là nợ xấu theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 11/2021/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Tính đến ngày 07/09/2024, ông Trần P T4 nợ Ngân hàng TMCP Q số tiền:

- Nợ gốc : 29.998.421 đồng
- Nợ lãi : 30.508.394 đồng
- Nợ phí: 40.797.853 đồng
- Tổng cộng: 101.304.668 đồng

Từ những nội dung đã trình bày trên, Ngân hàng TMCP Q3 đề nghị Tòa án xem xét giải quyết những yêu cầu sau:

Buộc ông Trần P T5 thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q4 sau khi Bản án/Quyết định có hiệu lực thi hành, số tiền tạm tính đến ngày 07/09/2024 là: 101.304.668 đồng (Một trăm mười một ba trăm lẻ bốn ngàn sáu trăm sáu mươi tám đồng), bao gồm: Nợ gốc 29.998.421 đồng; Nợ lãi 30.508.394 đồng; Nợ phí: 40.797.853 đồng. Và tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn, phí kể từ ngày 08/09/2024 cho đến khi ông Trần P T6 toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 10/07/2018

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là không đề nghị Tòa án giải quyết đối với số tiền nợ phí của ông Trần Phi T1: 40.797.853 đồng.

Bị đơn ông Trần Phi T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, các thông báo hòa giải và thông báo kết quả phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và triệu tập họp lệ nhưng ông T2 vắng mặt và không có ý kiến phản hồi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật, riêng bị đơn không thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463; Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều **91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng**, khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q buộc ông Trần Phi T phải thanh toán cho VIB số tiền tính đến ngày 07/09/2024 còn nợ ngân hàng các khoản sau: Nợ gốc: 29.998.421 đồng; Nợ lãi: 30.508.394 đồng. Tổng cộng: 60.506.815 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ 08/9/2024 cho đến khi thanh toán xong các khoản tiền trên thì ông T3 trả lãi quá hạn trên số dư nợ gốc theo thoả thuận tại Đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng mà hai bên đã ký kết vào ngày 10/7/2018 theo quy định của pháp luật. Đề nghị đình chỉ yêu cầu giải quyết số tiền nợ phí là 40.797.853 đồng của Ngân hàng TMCP Q5 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đồng thời, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm về thủ tục và nội dung giải quyết vụ án; sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trần Phi T4 hộ khẩu thường trú tại: tổ C phường A, quận T, T Kết quả xác minh tại Công an phường A1, quận T, thành phố Đ nhận thì hiện nay tại địa chỉ trên ông Trần Phi T5 còn đăng ký Hộ khẩu thường trú và không sinh sống tại địa phương. Bị đơn đã thay đổi nơi cư trú ghi trong hợp đồng mà không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư mới. Theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự năm 2015 được coi là cố tình giấu địa chỉ. Trong trường hợp này, Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tổng

đạt được cho Bị đơn là có cơ sở theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 10 tháng 7 năm 2018, ông Trần Phi T có đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế với VIB với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, lãi suất trong hạn là 36%/năm với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông T6 thực hiện 05 lần giao dịch với tổng số tiền là 150.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Trần P T3vi phạm nội dung thỏa thuận tại Đề nghị phát hành thẻ tín dụng đã ký, khoản vay đã quá hạn thanh toán từ ngày 25/11/2021 và đang xếp loại nợ nhóm 5, là nợ xấu theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 11/2021/TT-NHNN của Ngân hàng N1. Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp nhưng ông T vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Do đó, VIB khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Trần P T5 thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q4 sau khi Bản án có hiệu lực thi hành, số tiền tạm tính đến ngày 07/09/2024 là: Nợ gốc: 29.998.421 đồng; Nợ lãi: 30.508.394 đồng. Tổng cộng: 60.506.815 đồng.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn thì thấy: Căn cứ Đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 10/07/2018 giữa VIB với ông Trần Phi T"Biểu phí và Điều khoản điều kiện V1 Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định VIB có cho ông Trần Phi T vay tổng số tiền có hạn mức 30.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 36%/năm với mục đích tiêu dùng cá nhân thỏa thuận theo các văn bản đã nêu trên. Đây là Hợp đồng tín dụng, có nội dung và hình thức hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền khởi kiện. Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận; cần buộc ông Trần Phi T7 thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 07/09/2024 là: 60.506.815 đồng theo quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, các Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng.

[4] Tại phiên tòa VIB rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền phí là 40.797.853 đồng là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự và áp dụng Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ phí.

[5] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Trần Phi T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: 3.025.340 đồng.

[6] Hoàn trả cho VIB số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 63, 147, 180, 217, 227, 235, 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện v/v "*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*" của Ngân hàng TMCP Q6 với ông Trần Phi T8

Buộc ông Trần Phi T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q(V1 số tiền tạm tính đến ngày 07/09/2024 là: Nợ gốc: 29.998.421 đồng; Nợ lãi: 30.508.394 đồng. Tổng cộng: 60.506.815 đồng (*Sáu mươi triệu, năm trăm lẻ sáu nghìn, tám trăm mười lăm đồng*)).

Kể từ ngày 08 tháng 9 năm 2024, ông Trần Phi T còn phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng TMCP Q7 lãi suất theo Đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 10/07/2018 Biểu phí và Điều khoản điều kiện V1 giữa Ngân hàng TMCP Q với ông Trần Phi T đã ký kết tương ứng với số tiền nợ gốc và thời gian chưa thanh toán.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện số tiền nợ phí là 40.797.853 đồng của Ngân hàng TMCP Q

3. Án phí dân sự sơ thẩm: 3.025.340 đồng (*Ba triệu, không trăm hai mươi lăm nghìn, ba trăm bốn mươi đồng*) ông Trần Phi T phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm ứng án phí 1.948.734 đồng (*Bằng chữ: Một triệu, chín trăm bốn mươi tám nghìn, bảy trăm ba mươi tư đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0001270 ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Ánh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ